

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi:

Bài thi: Ngày thi:/...../ 20.....

Họ tên, chữ ký
của cán bộ coi thi 1

Họ tên, chữ ký
của cán bộ coi thi 2

1. Hội đồng thi:.....
2. Điểm thi:.....
3. Phòng thi số:.....
4. Họ và tên thí sinh:.....
5. Ngày sinh:/...../..... (Nam/ Nữ).
6. Chữ ký của thí sinh:.....

7. Số báo danh

8. Mã đề thi

A 10x10 grid of circles. To the left of the grid are the numbers 0 through 9, each in a circle. To the right of the grid is a 10x3 grid of circles. The numbers 0 through 9 are arranged in a column to the left of the 10x10 grid. The 10x3 grid is to the right of the 10x10 grid.

Chú ý: Thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn trước khi làm bài

	(A)	(B)	(C)	(D)
1	☐	☐	☐	☐
2	☐	☐	☐	☐
3	☐	☐	☐	☐
4	☐	☐	☐	☐
5	☐	☐	☐	☐
6	☐	☐	☐	☐
7	☐	☐	☐	☐
8	☐	☐	☐	☐
9	☐	☐	☐	☐
10	☐	☐	☐	☐
11	☐	☐	☐	☐
12	☐	☐	☐	☐
13	☐	☐	☐	☐
14	☐	☐	☐	☐
15	☐	☐	☐	☐
16	☐	☐	☐	☐
17	☐	☐	☐	☐
18	☐	☐	☐	☐
19	☐	☐	☐	☐
20	☐	☐	☐	☐
21	☐	☐	☐	☐
22	☐	☐	☐	☐
23	☐	☐	☐	☐
24	☐	☐	☐	☐
25	☐	☐	☐	☐
26	☐	☐	☐	☐
27	☐	☐	☐	☐
28	☐	☐	☐	☐
29	☐	☐	☐	☐
30	☐	☐	☐	☐

	(A)	(B)	(C)	(D)
31	☐	☐	☐	☐
32	☐	☐	☐	☐
33	☐	☐	☐	☐
34	☐	☐	☐	☐
35	☐	☐	☐	☐
36	☐	☐	☐	☐
37	☐	☐	☐	☐
38	☐	☐	☐	☐
39	☐	☐	☐	☐
40	☐	☐	☐	☐
41	☐	☐	☐	☐
42	☐	☐	☐	☐
43	☐	☐	☐	☐
44	☐	☐	☐	☐
45	☐	☐	☐	☐
46	☐	☐	☐	☐
47	☐	☐	☐	☐
48	☐	☐	☐	☐
49	☐	☐	☐	☐
50	☐	☐	☐	☐

Thí sinh lưu ý:

- Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, tẩy xóa, nhàu nát, làm rách, ghi đề lên các ô vuông đen để phần mềm chấm tự động.
- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn
- Dùng bút chì (hoặc bút tối màu), tô đậm, tô kín một ô tròn tương ứng mỗi chữ số của mã đề thi, số báo danh.

Phần trả lời:

- Số thứ tự câu trả lời bên cạnh ứng với số thứ tự câu hỏi trắc nghiệm trong đề thi.
- Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh tô đậm, tô kín một ô tròn tương ứng với phương án trả lời đúng.